

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/9/2020.

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Hai**
2. Bà **Võ Thị Điệp**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 328/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”; theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 190/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Hồng Th**, sinh năm 1985; (Có mặt)

HKTT: Ấp Hòa Dân, xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Ấp Tân Trường, xã Mỹ H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* **Võ Tuấn G**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa Dân, xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Hồng Th trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh G chung sống và kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 21/3/2009.

Trong quá trình chung sống: Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Thời sau, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn anh G ghen tuông vô cớ, hăng học, khó chịu làm cho mâu thuẫn và bất đồng quan điểm

sống. Ngoài ra, anh G thường xuyên chơi bời, bản thân anh G mắc nợ nhiều người, làm cho cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng thiếu thốn về kinh tế, chị phải đứng ra trả nợ cho anh G nhiều lần, cũng chính vì vậy, mà mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm là năm 2015, chị đã nhiều lần cho anh G cơ hội nhưng anh G không biết sửa đổi bản thân. Cũng trong năm 2015, vợ chồng đã sống ly thân. Kể từ thời gian ly thân đến nay, chị và anh G không có ý định hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Tuấn G.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Võ Quang Ph, sinh ngày 21/9/2009 và Võ Nguyễn Cát T, sinh ngày 30/01/2014. Hiện các con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Do chị có công việc và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dạy con khôn lớn và đầy đủ như bao đứa trẻ khác.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có một căn nhà xây dựng trên đất cha mẹ chồng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai của cháu Võ Quang Ph (nộp ngày 28/7/2020) trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Nguyễn Hồng Th.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn Võ Tuấn G vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Đồng thời, anh G cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp:*

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy CMND, Hộ khẩu tên nguyên đơn (photo); Giấy đăng ký kết hôn (bản chính); 02 trích lục khai sinh con chung (photo); Xác nhận địa chỉ bị đơn; Bản tự khai của cháu Võ Quang Ph; Tờ tường trình ngày 20/8/2020 của chị Nguyễn Hồng Th.

- Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp gồm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy, theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng Th yêu cầu được ly hôn với anh Võ Tuấn G và yêu cầu nuôi con nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa

các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con” giữa các đương sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, địa chỉ của bị đơn Võ Tuấn G tại ấp Hòa Dân, xã N, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa xét xử, bị đơn Võ Tuấn G vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Tuấn G theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hồng Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh G cưới nhau và chung sống năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 21/3/2009. Như vậy, hôn nhân của Chị Th và anh G là tự nguyện và hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống: Chị Th trình bày trong thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Thời gian sau, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, anh G ghen tuông vô cớ, hăng học, khó chịu làm cho mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, anh G thường xuyên chơi bời, bản thân anh G mắc nợ nhiều người, làm cho cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng thiếu thốn về kinh tế, chị phải đứng ra trả nợ cho anh G nhiều lần, cũng chính vì vậy, mà mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm là năm 2015. Cũng trong năm 2015, vợ chồng đã sống ly thân. Kể từ thời gian ly thân đến nay, chị và anh G không có ý định hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình tố tụng, anh G đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã biết nội dung vụ án; ngoài ra, anh G cũng đã được triệu tập đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham dự phiên tòa xét xử nhưng anh G đều vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía Chị Th cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét thấy việc Chị Th trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa Chị Th và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của Chị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu của Chị Th về con chung: Chị Th và anh G có 02 con chung là Võ Quang Ph, sinh ngày 21/9/2009 và Võ Nguyễn Cát T, sinh ngày

30/01/2014. Hiện các con đang sống chung với Chị Th. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy: Căn cứ các trích lục khai sinh số 89, 90 ngày 06/3/2017, thể hiện các cháu Võ Quang Ph, Võ Nguyễn Cát T là con Chị Th và anh G, phù hợp với lời trình bày của Chị Th. Nên Chị Th và anh G có 02 con chung như trên là đúng.

Xét yêu cầu nuôi con của Chị Th: Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi, cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Nhận thấy, trong thời gian ly thân cho đến nay cháu Phú và Cát Tường đang sống chung với Chị Th, cuộc sống của các cháu đang ổn định, đời sống sinh hoạt, môi trường học tập vẫn ổn định và phát triển bình thường về mọi mặt; ngoài ra, tại bản tự khai của cháu Phú có ý kiến, trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu Phú có nguyện vọng sống chung với mẹ; đối với cháu Cát Tường chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không lấy ý kiến; bên cạnh đó, Chị Th hiện có công việc và mức thu nhập ổn định đủ để nuôi con ăn học. Do vậy, yêu cầu nuôi con của Chị Th là có cơ sở, phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Đồng thời, anh G cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, Chị Th có công việc ổn định và không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung thì anh G vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị Th trình bày, chị và anh G có tài sản chung là căn nhà, xây dựng trên phần đất của cha mẹ chồng nhưng chị không tranh chấp và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Chị Th trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hồng Th.

[2.5] Chị Th là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hồng Th.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Hồng Th được ly hôn với anh Võ Tuấn G.

2. **Về con chung:** Chị Nguyễn Hồng Th và anh Võ Tuấn G có 02 con chung là Võ Quang Ph, sinh ngày 21/9/2009 và Võ Nguyễn Cát T, sinh ngày 30/01/2014. Hiện các con đang sống chung với Chị Th.

- Chị Nguyễn Hồng Th được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là cháu Võ Quang Ph, Võ Nguyễn Cát T. Anh Võ Tuấn G không phải cấp dưỡng nuôi con (do Chị Th không yêu cầu).

Anh Võ Tuấn G được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. **Về nợ chung:** Không có.

5. **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị Nguyễn Hồng Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BI/2019/0003827 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị Th đã nộp xong.

6. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn Nguyễn Hồng Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn Võ Tuấn G vắng mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Tinh